

Ảnh hưởng của Trung Quốc đối với liên kết kinh tế ở Đông Nam Á và hàm ý cho Việt Nam

Lê Kim Sa

Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Email: kimsa.le@gmail.com

Ngày nhận: 24/9/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/10/2016

Ngày duyệt đăng: 25/12/2016

Tóm tắt:

Bài viết phân tích những tác động tiềm tàng của sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế của Trung Quốc đối với quá trình liên kết kinh tế ASEAN, chủ yếu là thông qua hai kênh tác động là thương mại và đầu tư. Những phân tích về mô thức hội nhập “hướng tâm” Trung Quốc do sự trỗi dậy kinh tế của Trung Quốc cho thấy các nước ASEAN về cơ bản đã xác định một mắt xích trong chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất trong phương thức phát triển song song của khu vực. Vị trí của mỗi mắt xích là một điểm cân bằng bền vững khi toàn bộ chuỗi sản xuất được xác lập song song. Nói cách khác, liên kết kinh tế ASEAN tiếp tục bị chi phối bởi sự hình thành chuỗi sản xuất và phương thức phát triển song song do sự hội nhập kinh tế của Trung Quốc vào khu vực và ngược lại.

Từ khóa: Trỗi dậy kinh tế, ảnh hưởng, liên kết kinh tế, Trung Quốc, ASEAN.

China's influences on the economic linkages in Southeast Asia and implications for Vietnam

Abstract:

The paper analyzes the potential impacts of the strong growth of China's economy on the economic integration process of ASEAN, mainly through two observable channels of trade and investment. The analysis of the model of “China centric integration” by the rise of the Chinese economy showed the ASEAN countries had identified basically a link in the value chain and production network in the parallel development of the region. The position of each link had been a sustainable equilibrium when the entire production chain was established in parallel. In other words, ASEAN economic links continued to be dominated by the production network and parallel development methods due to the economic integration of China to the region and vice versa.

Keywords: Economic rise, influence, economic integration, China, ASEAN.

1. Mở đầu

Trong những năm qua, có một thực tiễn không thể phủ nhận trên phạm vi toàn cầu là Trung Quốc đang trên đường trở thành một nền kinh tế lớn nhất thế giới (Lê Kim Sa, 2013). Đây là một thực tại khách quan và thường được gọi là “sự trỗi dậy của Trung Quốc” trên nhiều khía cạnh, bao gồm cả khía cạnh kinh tế. Sự trỗi dậy của nền kinh tế Trung Quốc sẽ còn tiếp tục phủ bóng lên nền kinh tế các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Vậy phải đối diện với thực tại này như thế nào?

Để trả lời câu hỏi này, cần phân tích kỹ hơn những tác động tiềm tàng của sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế của Trung Quốc đối với quá trình liên kết kinh tế ASEAN. Hai kênh tác động có thể quan sát dễ nhất là thương mại và đầu tư. Với tư cách là một “công xưởng thế giới”, Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ với các loại hàng hóa, đặc biệt là hàng chế tác của các nước ASEAN. Với tư cách là thị trường lớn nhất thế giới, về cả nguyên liệu lẫn thành phẩm, Trung Quốc có thể hấp thụ tất cả các loại hàng hóa và nguyên liệu do ASEAN cung cấp. Như vậy,

về cả mặt cung lẫn mặt cầu, sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc đang ảnh hưởng tới từng quốc gia ASEAN, trong đó có Việt Nam, cũng như quá trình liên kết giữa các thành viên của tổ chức này.

2. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và quá trình hội nhập kinh tế “hướng tâm” vào Trung Quốc

Trung Quốc có vị trí “lõi” là vì quy mô khổng lồ của nước này và sự phát triển không cân bằng giữa các vùng nội địa, tương ứng với các giai đoạn công nghiệp hóa và lợi thế so sánh đã cho phép Trung Quốc hợp tác với các nước khác trong khu vực và cả thế giới, cả giàu lẫn nghèo, phát triển lẫn kém phát triển, theo cả chiều dọc lẫn chiều ngang (Pettis, 2011). Các tỉnh của Trung Quốc, với quy mô tương đương các quốc gia Đông Nam Á, có thể phát huy đầy đủ lợi thế của mình với tất cả các nước trong khu vực, tạo ra một mạng lưới thị trường cả theo chiều dọc lẫn chiều ngang của thương mại và vốn “hướng tâm” Trung Quốc.

Khi FDI toàn cầu bắt đầu đổ vào Trung Quốc và các nước Đông Á khác theo chiều ngang, mô hình đàn nhận bay và liên kết theo tầng nấc của thương mại và các ngành sản xuất, cũng như các mối liên kết với FDI toàn cầu đã chuyển thành một mối quan hệ cạnh tranh trong đó các nước trong khu vực cạnh tranh với nhau về vốn và tài chính nguồn lực cũng như cho các thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng cho thấy một thực tế là nhiều doanh nghiệp hoặc các ngành công nghiệp phải đối mặt với sự cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm Trung Quốc (World Bank, 2012).

Tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và những hoạt động ngoại giao tích cực trong khu vực của Trung Quốc đã làm Đông Nam Á thay đổi dưới nhiều hình thức (Das, 2013). Về kinh tế, quan hệ thương mại và năng lượng của Trung Quốc với tất cả các khu vực chủ yếu của thế giới ngày càng được mở rộng. Trung Quốc là một trong những động lực chính thúc đẩy các hiệp định thương mại khu vực và song phương. Về mặt chính trị, Trung Quốc thường được gắn với “thuyết âm mưu” là đang tìm cách định hình các thể chế chính trị trong khu vực, khuyến khích một Cộng đồng Đông Á nhằm cân bằng với những ảnh hưởng đang suy giảm của Hoa Kỳ (Hussain, 2012).

Sau cuộc khủng hoảng tài chính trong năm 1997 dẫn đến suy thoái kinh tế khu vực, chính Trung Quốc, chứ không phải Hoa Kỳ hay Nhật Bản, có vai trò quan trọng nhất trong việc phục hồi kinh tế khu vực, thông qua việc hỗ trợ tài chính cho khu vực từ

lượng dự trữ ngoại hối khổng lồ của nước này. Trung Quốc đã không phá giá đồng nhân dân tệ và không rút lại các cam kết hỗ trợ xây dựng lại nền kinh tế để bị tổn thương của các quốc gia châu Á (Das, 2013).

Sau khủng hoảng châu Á, vị thế của Trung Quốc trong các nền kinh tế láng giềng trong khu vực tăng lên rõ rệt. Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, nước xuất khẩu lớn nhất, nhập khẩu lớn thứ hai và là trung tâm của mạng lưới sản xuất khu vực. Sự thay đổi vị thế của nền kinh tế Trung Quốc đã thay đổi môi trường khu vực và hình thái hội nhập khu vực thông qua việc hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu mới.

Trung Quốc đã đưa nền kinh tế ASEAN trở thành công xưởng sản xuất của thế giới. Trung Quốc đã trở thành trung tâm của chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu. Điều này đã làm tăng tầm quan trọng của Trung Quốc đối với kinh tế khu vực và ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc của các ngành sản xuất ở châu Á, kể cả đối với các sản phẩm công nghệ cao (Hussain, 2012).

Các cơ sở sản xuất của Trung Quốc rất lớn, đa dạng và mở rộng nhanh chóng. Số lượng công ty lớn của Trung Quốc với lực lượng lao động có tay nghề và năng lực R&D ngày càng gia tăng và mở rộng mạng lưới. Điều này đã làm cho chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu ngày càng mở rộng và Trung Quốc trở thành đối tác thương mại quan trọng và có ảnh hưởng đối với tất cả các nền kinh tế trong khu vực (Hussain, 2012).

Về thương mại

Với những kỳ tích kinh tế, Trung Quốc đang thể hiện vai trò của một nước lớn, có phạm vi ảnh hưởng toàn cầu, ráo riết thiết lập những cuộc chơi trên vũ đài quan hệ quốc tế, tích cực mở rộng không gian phát triển ra xung quanh trên nhiều phương diện, nhiều cấp độ, nhiều tầng nấc, mà bắt đầu là ở khu vực và trong quan hệ với các nước ASEAN.

Về thương mại, từ những năm 1990, ASEAN và Trung Quốc đã ngày càng mở rộng quan hệ kinh tế và tăng cường thương mại song phương giữa hai khu vực. Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) được thành lập năm 2010, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong sự phát triển tình hình thương mại song phương.

Theo phân tích của Vũ Thị Thư Thư (2015), năm 2013, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Trung Quốc và ASEAN chiếm 10,7% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc. ASEAN là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong số các quốc gia đang phát triển, và là đối tác

thương mại lớn thứ ba, sau EU và Mỹ. Trong khi đó, nếu không tính đến thương mại nội vùng giữa các nước ASEAN, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn thứ nhất của ASEAN trong năm 2013 cả về xuất khẩu và nhập khẩu chiếm 14% trong tổng kim ngạch thương mại của các nước ASEAN.

Năm 2010, Hiệp định tự do thương mại ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) chính thức được ký kết đã thúc đẩy quan hệ thương mại song phương giữa hai khu vực. Giá trị xuất khẩu của Trung Quốc với ASEAN tăng liên tục qua các năm, từ 17,3 tỷ USD năm 2000 lên 272 tỷ USD năm 2014.

Về nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc từ các nước ASEAN có xu hướng tương tự như xuất khẩu. Tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc từ các nước ASEAN đã tăng lên từ mức 22,2 tỷ USD năm 2000 lên tới 116,9 tỷ USD.

Một điểm đáng lưu ý là Trung Quốc có thâm hụt thương mại với các nước thành viên ASEAN trong suốt giai đoạn 2002-2011. Tuy nhiên, từ năm 2012, quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và các nước ASEAN đã có xu hướng đảo chiều. Trung Quốc đã có mức thặng dư thương mại là 63,8 tỷ USD trong năm 2014 (ASEAN Secretariat, 2014).

Về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (OFDI)

Trong giai đoạn hậu khủng hoảng châu Á, Trung Quốc nổi lên như một nguồn FDI ngày càng lớn, trở thành yếu tố mới nhất trong hội nhập của Trung Quốc trong hệ thống kinh tế châu Á. Chính phủ Trung Quốc đã có định hướng đối với nguồn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc (OFDI). Theo số liệu về OFDI từ Bộ Thương mại Trung Quốc, OFDI của Trung Quốc vào các nền kinh tế châu Á lân cận tăng từ 1,5 tỷ USD lên 44,89 tỷ USD, trong giai đoạn 2003-2010. Luồng đầu tư này

tăng rất nhanh hằng năm và các nước châu Á đã trở thành nơi tiếp nhận OFDI lớn nhất của Trung Quốc. Sự gia tăng nguồn OFDI đã giúp Trung Quốc hội nhập mạnh mẽ với nền kinh tế khu vực. Đồng thời, đầu tư của Trung Quốc có xu hướng tập trung vào các nền kinh tế châu Á (Das, 2013).

Về đầu tư trực tiếp, trong những năm gần đây, FDI từ Trung Quốc vào ASEAN đã tăng lên nhanh chóng. Chính phủ Trung Quốc đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đầu tư của nước này vào khu vực. Luồng FDI của Trung Quốc chủ yếu tập trung vào các ngành phát triển cơ sở hạ tầng và khai khoáng. Các cam kết của Trung Quốc đối với các dự án cơ sở hạ tầng của ASEAN trong giai đoạn 2013-2017 là khoảng 50 tỷ USD, trung bình 10 tỷ USD mỗi năm. Dòng vốn FDI của Trung Quốc trung bình hằng năm vào tất cả các lĩnh vực là khoảng 6 tỷ USD và lượng vốn đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN năm 2012 là 28 tỷ USD (UNCTAD, 2015). Tuy nhiên, các con số này chưa bao gồm những phương thức đầu tư khác của Trung Quốc vào ASEAN, đặc biệt là trong lĩnh vực hạ tầng.

Dòng vốn FDI của Trung Quốc vào ASEAN có xu hướng gia tăng bởi một số nhân tố như chính sách quốc tế hóa các doanh nghiệp Trung Quốc, sự vận động của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, những hỗ trợ của Chính phủ Trung Quốc, cũng như môi trường đầu tư của ASEAN được cải thiện tạo ra những cơ hội mới. Các doanh nghiệp hoạt động ở các nước ASEAN không chỉ là các nhà đầu tư trực tiếp mà còn là các nhà thầu và các nhà thầu phụ cho các doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng Trung Quốc khác (ASEAN Secretariat, 2014).

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây đã có một làn sóng các công ty nhỏ và vừa của Trung

Bảng 1: Tăng trưởng về xuất nhập khẩu giữa Trung Quốc và ASEAN (2000-2014)

Năm	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)	Tỷ lệ so với tổng xuất khẩu của Trung Quốc (%)	Tốc độ gia tăng (%)	Giá trị nhập khẩu (Triệu USD)	Tỷ lệ so với tổng nhập khẩu của Trung Quốc (%)	Tốc độ gia tăng (%)
2010	138.207	8.8	30.1	154.569	11.1	44.8
2011	170.083	9.0	23.1	192.771	11.1	24.7
2012	204.272	10.0	20.1	195.821	10.8	1.6
2013	244.040	11.0	19.5	199.559	10.2	1.9
2014	272.055	11.6	11.5	208.214	10.6	4.3

Nguồn: UNCOMTRADE và Vũ Thị Thu Thu (2015)

Bảng 2: Đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN theo ngành, 2010-2013

(triệu USD)

	2010	2011	2012	2013	Trung bình 2010-13
Nông nghiệp	45,0	55,4	58,7	88,2	61,8
Khai khoáng	352,1	172,6	285,6	558,1	342,1
Chế tạo	84,9	393,5	342,5	1140,2	490,3
Xây dựng	-21,4	128,0	108,1	21,6	59,1
Thương mại	76,4	877,7	594,5	2711,8	1065,1
Tài chính	1106,6	3704,0	602,6	1143,9	1639,3
Bất động sản	759,2	1678,5	1903,1	1522,7	1465,9
Dịch vụ	100,5	-205,1	990,7	576,5	365,7
Khác	29,0	107,8	10,4	87,8	58,7
Không phân loại	1521,1	994,0	480,5	792,6	934,6
Tổng	4053,4	7856,3	5376,8	8643,5	6482,5

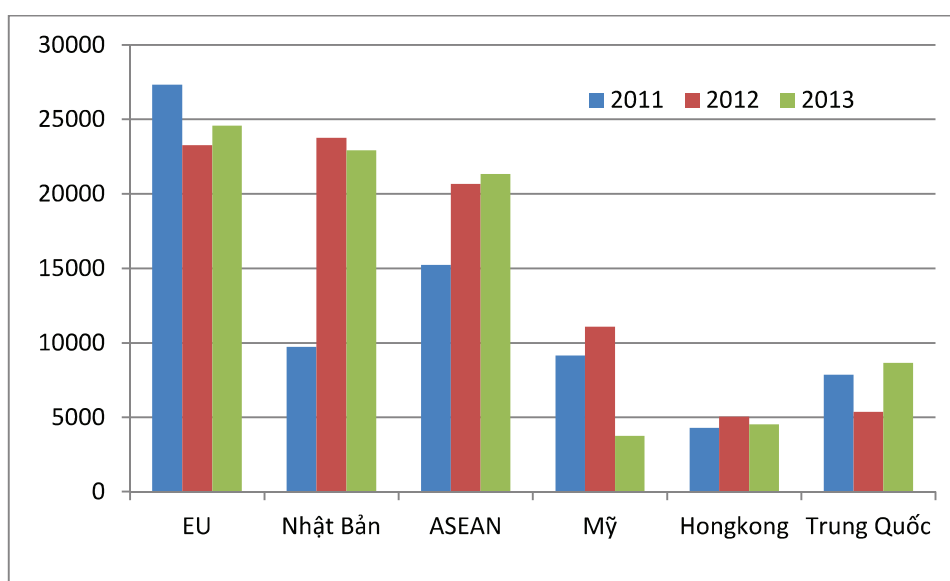
Nguồn: ASEAN Investment Report 2014

Quốc chuyển sang đầu tư tại các nước ASEAN, đặc biệt là trong ngành chế tạo. Mặc dù còn khá nhỏ, nhưng FDI của Trung Quốc vào ngành chế tạo của ASEAN đã gia tăng 4,4 lần trong những năm gần đây, trung bình 87 triệu USD giai đoạn 2006-2009 lên 490 triệu USD giai đoạn 2010-2013, chủ yếu là trong lĩnh vực dệt may (Das, 2013). Lý do chính của việc các công ty dệt may Trung Quốc chuyển dịch sang các nước thành viên ASEAN như Campuchia, Myanmar, Việt Nam là do chi phí lao động thấp hơn. Nói cách khác, chi phí lao động

tăng ở Trung Quốc sẽ tiếp tục làm chuyển hướng đầu tư sang các nước lân cận có chi phí thấp hơn.

3. Những tác động đối với liên kết kinh tế Đông Nam Á

Thông thường, để đánh giá ảnh hưởng và “đo lường” mối quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc với ASEAN, các số liệu về thương mại và đầu tư thường được sử dụng. Các con số này thường đưa đến những nhận định tích cực, nhưng cũng có thể thấy một số vấn đề trong mối quan hệ về kinh tế giữa Trung Quốc với ASEAN, như sau:

Hình 1: Nguồn FDI hàng đầu vào ASEAN, 2011-2012 (triệu USD)*Nguồn: ASEAN Investment Report 2014*

Thứ nhất, trong khi Trung Quốc luôn duy trì vị trí trong năm đối tác thương mại hàng đầu của ASEAN, mức độ phụ thuộc vào Trung Quốc ở vị thế xuất khẩu hoặc nhập khẩu, hoặc cả hai luôn thay đổi. Nhìn chung, các nền kinh tế mạnh nhất trong khối ASEAN vẫn đa dạng hóa các đối tác thương mại, trong khi những nước kém phát triển hơn thì phụ thuộc nhiều hơn vào Trung Quốc, đặc biệt là về nhập khẩu. Sự phân bổ dòng chảy xuất khẩu và nhập khẩu của Trung Quốc còn phức tạp hơn thế. Với một số quốc gia, nhập khẩu từ Trung Quốc gia tăng trong khi nhập từ các đối tác ASEAN khác lại giảm sút.

Thứ hai, từ khi Hiệp định Tự do Thương mại ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) có hiệu lực đầy đủ vào năm 2010 – tạo thành một khu vực tự do thương mại lớn nhất thế giới về dân số – mật dịch hàng hóa của ASEAN với Trung Quốc đã từ thặng dư chuyển thành thâm hụt tới 45 tỷ USD năm 2013.

Thứ ba, nguồn gốc chính trong thương mại ASEAN - Trung Quốc vẫn là hàng chế tạo – đặc biệt là máy móc và đồ điện tử. Ngoài ra còn một số trường hợp đặc biệt, như Campuchia phụ thuộc vào hàng dệt may nhập khẩu từ Trung Quốc, và Indonesia và Myanmar phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc để xuất khẩu hàng hóa. Điều này cho thấy bản chất của mối quan hệ thương mại này là Trung Quốc đang được hưởng lợi nhiều hơn, trong khi các quốc gia ASEAN bị thiệt thòi ở các lĩnh vực khác như dịch vụ.

Thứ tư, mặc dù trong một số trường hợp Trung Quốc đang gia tăng ảnh hưởng về thương mại, song vai trò của Trung Quốc về đầu tư vào ASEAN còn khiêm tốn. Năm 2013, Trung Quốc mới chỉ góp 2,3% vào tổng vốn đầu tư FDI của ASEAN. Và dù có tính cả Hồng Kông thì Trung Quốc vẫn chưa được xếp vào vị trí nhà đầu tư lớn của khu vực ASEAN.

Như vậy, ảnh hưởng của Trung Quốc với ASEAN về mặt kinh tế ngày càng tăng lên nhưng vẫn chưa thực sự mang tính thống trị. Mặc dù vậy, những rủi ro mang tính đe dọa trong quan hệ với Trung Quốc khiến từng nước ASEAN phải thực thi các chính sách và phản ứng đa dạng với Trung Quốc, coi sự trỗi dậy của Trung Quốc là cơ hội mà cũng là thách thức lớn. Trong từng trường hợp cụ thể với mức độ ảnh hưởng của Trung Quốc lên từng nước cụ thể, mỗi quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á sẽ có những cách đối phó riêng cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tình trạng quan hệ. Tuy nhiên, về tổng thể, các nước ASEAN nhìn chung đã thực hiện một số chính sách để vừa khai thác lợi

ích, tăng cường hợp tác với Trung Quốc, vừa hạn chế những tác động không mong muốn từ sự trỗi dậy của cường quốc này (Deutsche Bank, 2013).

Về liên kết kinh tế, nhân tố Trung Quốc đã thúc đẩy ASEAN tiếp tục mở cửa và hội nhập theo hai hướng.

Thứ nhất, tăng cường hợp tác với các cường quốc từ bên ngoài, đặc biệt với Mỹ và Nhật Bản. Tăng cường quan hệ đối tác và tiến tới quan hệ chiến lược với Mỹ là một chính sách quan trọng. Những điều chỉnh mới trong chính sách của Mỹ với Đông Nam Á đã được ASEAN nhiệt liệt hoan nghênh. Tháng 7 năm 2009, ASEAN và Mỹ đã ký Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), đây là một điểm nhấn quan trọng trong quan hệ ASEAN - Mỹ. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ lần thứ hai (năm 2010) đã nêu rõ về tầm quan trọng của “giải quyết các bất đồng bằng phương pháp hòa bình” và “tự do lưu thông hàng hải”, kể cả ở vùng biển Đông, đồng ý cùng hợp tác để mở rộng quan hệ thương mại đang trên đà phát triển. Có thể nói rằng tiến trình Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ đã được thể chế hóa.

Đối với Nhật Bản, trên cơ sở tồn tại ngày càng nhiều những lợi ích chung giữa ASEAN và Nhật Bản, ASEAN đã hưởng ứng hầu hết các sáng kiến và nỗ lực của Nhật Bản trong thúc đẩy hợp tác khu vực. ASEAN hiện là một trong những khu vực quan trọng nhất của thế giới và là đối tác thương mại lớn thứ hai của Nhật Bản sau Trung Quốc. ASEAN cũng là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản. Qua đó, Nhật Bản và ASEAN tạo ra một khu vực sản xuất tập trung khổng lồ, tương đương Trung Quốc (Phạm Quý Long, 2013).

Mối quan hệ giữa EU và ASEAN được bắt đầu vào năm 1972, nhưng trong ba năm trở lại đây những bước chuyển biến mới thật sự rõ ràng, ngoài những việc khác, một số lượng lớn các chuyến thăm cao cấp tới khu vực đã diễn ra. Về kinh tế, EU là đối tác thương mại lớn thứ hai của ASEAN với 238 tỷ EUR hàng hóa và dịch vụ đã được giao dịch giữa hai khu vực trong năm 2013. Thương mại EU - ASEAN tăng trung bình 7% mỗi năm trong giai đoạn 1993-2013. EU là nhà cung cấp đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất tại ASEAN. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của EU chiếm 22% trong năm 2013. Hiện nay, EU là một đối tác phát triển quan trọng của ASEAN. Mối quan hệ tích cực trên cơ sở hợp tác toàn diện với EU đã tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi cho sự hội nhập và phát triển kinh tế của các thành viên ASEAN.

Thứ hai, tăng cường hợp tác nội khối thông qua xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN. Với AEC, ASEAN mong muốn hình thành một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh tranh cao, trong đó hàng hóa, dịch vụ, đầu tư sẽ được chu chuyển tự do hơn, kinh tế phát triển đồng đều, giảm đói nghèo và chênh lệch kinh tế - xã hội vào năm 2020. Việc hình thành AEC một mặt sẽ giúp ASEAN có được một vị thế lớn hơn và làm tăng sức cạnh tranh trên sân chơi quốc tế, điều mà nếu mỗi nước ASEAN chỉ đứng riêng rẽ thì khó lòng có được. Mặt khác, AEC sẽ giúp sự hợp tác kinh tế trong nội khối của ASEAN chặt chẽ hơn, giảm bớt nguy cơ chia rẽ của ASEAN để hòa tan vào nền kinh tế toàn cầu mà trong đó các nước nhỏ sẽ chịu sự chi phối của các nước lớn (Deutsche Bank, 2013).

Trong cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn trong khu vực hiện nay, khả năng một thành viên ASEAN nào đó có thể hy sinh các lợi ích chung của khu vực cho lợi ích của quốc gia họ là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Trong khi đó, đối với một số nước ASEAN thì hợp tác khu vực chỉ là công cụ để đạt tới các lợi ích quốc gia. Khi lợi ích quốc gia không hoàn toàn phù hợp với lợi ích chung của khu vực, các quốc gia này có thể bỏ qua lợi ích khu vực để tìm kiếm lợi ích riêng của mình. Do đó, khi AEC hình thành, sức đề kháng của khu vực sẽ tăng lên đáng kể do mỗi hợp tác kinh tế được kỳ vọng là tăng lên, từ đó giảm những nguy cơ đến từ sự trỗi dậy của Trung Quốc (Deutsche Bank, 2013).

Tuy nhiên, những phân tích về mô thức hội nhập “hướng tâm” Trung Quốc do sự trỗi dậy kinh tế của Trung Quốc cho thấy các nước ASEAN về cơ bản đã xác định một mắt xích trong chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất trong phương thức phát triển song song của khu vực. Vị trí của mỗi mắt xích là một điểm cân bằng bền vững khi toàn bộ chuỗi sản xuất được xác lập song song. Nói cách khác, các nước ASEAN đã, đang và sẽ tiếp tục ở nấc thang công nghệ tầm trung, không phá vỡ được “trần thủy tinh công nghệ” (Ohno, 2010) hay bấy thu nhập trung bình bởi lực hút hướng tâm đã xuất hiện dưới sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc. Nói cách khác, liên kết kinh tế ASEAN tiếp tục bị chi phối bởi sự hình thành chuỗi sản xuất và phương thức phát triển song song do sự hội nhập kinh tế của Trung Quốc vào khu vực và ngược lại.

4. Hàm ý đối với quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam

Trước cơn sóng lớn của nền kinh tế Trung Quốc đổ vào Việt Nam, cách tốt nhất là tìm cách vươn lên ngọn sóng để lướt cùng với sóng. Nền kinh tế Trung Quốc vẫn có khả năng tiếp tục trỗi dậy mạnh trong thời gian tới. Đó vừa là vận hội, vừa là thách thức lớn đối với Việt Nam.

Cần phải thấy rằng với Việt Nam, quan hệ Việt - Trung là quan hệ chiến lược hàng đầu. Trong đó quan hệ kinh tế có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam. Cùng với sự bất cân xứng hiện nay giữa hai nền kinh tế, chúng ta cũng cần có cách nhìn nhận thực tế về một nước Trung Quốc đang trỗi dậy.

Thứ nhất, sự phát triển của Trung Quốc sẽ tạo một cơ hội phát triển cho Việt Nam vì đây là một thị trường rộng lớn và đa dạng, nhu cầu về nhiều mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế như khoáng sản, nông sản, vị trí địa lý thuận lợi. Các yếu tố này sẽ tạo thuận lợi cho Việt Nam với tư cách là nước láng giềng nhỏ hơn và trình độ phát triển thấp hơn. Do đó, thị trường Trung Quốc sẽ phải là thị trường trọng điểm đối với xuất khẩu của Việt Nam. Sự hình thành của một tầng lớp trung lưu đông đảo ở nước này, Việt Nam có thể phát huy những ưu thế về địa lý, về tính chất bổ sung trong cơ cấu hàng hóa giữa hai nước và các nhân tố có lợi khác để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

Thứ hai, Trung Quốc là một công xưởng lớn, là nơi tập trung các công ty và tập đoàn lớn của thế giới, là mạng kết nối toàn cầu. Do đó, Việt Nam phải lựa chọn những ưu thế của mình để phát triển và có sự chuẩn bị để thâm nhập vào hệ thống kinh doanh của các công ty xuyên quốc gia tại Trung Quốc, tham gia vào các chuỗi giá trị mang tính khu vực và toàn cầu. Trước mắt, với việc Trung Quốc sẽ phát triển lên phân khúc sản phẩm có giá trị cao hơn, Việt Nam có thể tận dụng sự dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc và các nước trong khu vực về một số lĩnh vực như dệt may, da giày, điện tử, chế biến nông sản.

Thứ ba, với tiềm lực kinh tế hùng mạnh của Trung Quốc, trong ngắn hạn, Việt Nam khó có thể cạnh tranh được với Trung Quốc ở nhiều lĩnh vực, nhất là công nghệ. Tuy nhiên, những lợi thế của Việt Nam về địa lý, kinh tế và chính trị cần được tận dụng triệt để nhằm tiếp cận thị trường này mà không cạnh tranh trực tiếp với Trung Quốc, tránh tình trạng bị động và tâm lý đối phó. Chiến lược tồn tại và phát triển bên cạnh Trung Quốc của Việt Nam cần phải được xây dựng trên tinh thần làm

cho Việt Nam khác với Trung Quốc chứ không phải làm thế nào để Việt Nam có thể cạnh tranh với Trung Quốc. Khai thác những ưu thế của Việt Nam với tư cách là một nước nhỏ và linh hoạt.

Thứ tư, trong quan hệ hợp tác với Trung Quốc cần tính đến việc giữ vững vị thế trên cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ, xử lý tốt các vấn đề tranh chấp thương mại, bảo vệ môi trường... bởi vì các vấn đề này sẽ có xu hướng gia tăng. Quan trọng là phải tránh những thỏa hiệp gây bất lợi đối với một nước nhỏ. Với những nhận thức thực tế này, việc nghiên cứu sâu sắc, toàn diện chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc đặc biệt là chiến lược liên kết kinh tế khu vực của Trung Quốc để tận dụng mọi cơ hội phát triển kinh tế đất nước, cần được coi là nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cần tổ chức phối hợp nghiên cứu liên ngành, liên bộ, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu chính sách, với tầm nhìn thời đại trong xây dựng chiến lược hợp tác với Trung Quốc cũng như chiến lược phát triển kinh tế đất nước từ nay về sau.

Bên cạnh đó, để cân bằng với quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam cần mở rộng quan hệ kinh tế và nâng cấp các mối quan hệ với các đối tác sẵn có trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết. Hiệp định thương mại tự do

ngày nay không chỉ đề cập đến vấn đề cắt giảm thuế quan, mà đề cập sâu rộng đến nhiều vấn đề về quy tắc và luật lệ, cải cách thể chế trong nước. Các FTA còn là cơ hội để cải thiện các mối quan hệ đối tác nhằm cân bằng quan hệ bất cân xứng trong tổng thể chiến lược hội nhập quốc gia. Đặc biệt, với những hiệp định thương mại tự do mới ký kết, một thị trường khổng lồ và nhiều hứa hẹn đã được mở ra cho Việt Nam. Tuy nhiên, muốn tiếp cận thị trường này không những mặt hàng, hay dịch vụ của Việt Nam phải có chất lượng thực mà kỹ năng tiếp thị cũng phải vượt trội các đối thủ cạnh tranh và đạt được những tiêu chuẩn khắt khe về vệ sinh và chất lượng. Thêm vào đó, Việt Nam có lợi thế tăng cường và mở rộng quan hệ với các đối tác vì thuộc nhóm quốc gia gọi là China+ (Nhóm quốc gia thay thế Trung Quốc trong chức năng “công xưởng thế giới” vì những điều kiện sản xuất ở Trung Quốc đã trở nên thiếu hấp dẫn).

Hội nhập kinh tế quốc tế với những hiệp định như EVFTA hay sự tham gia vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) hay chủ động tăng cường hợp tác kinh tế theo hướng lãnh mạnh với Trung Quốc sẽ mở ra cho Việt Nam những cơ hội phát triển rất lớn, nhưng nắm bắt những cơ hội này là một thách thức to lớn đòi hỏi sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Lời thừa nhận/cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số V2.2-2013-07.

Tài liệu tham khảo

ASEAN Secretariat (2014), *ASEAN Investment Report 2013-2014*.

Kenichi Ohno (2003), ‘Việt Nam tại thời điểm bước ngoặt: Những khuyến nghị chính sách theo quan điểm của Nhật Bản’, *Diễn đàn Phát triển Việt Nam*.

Das K.D. (2013), ‘China’s Contribution to Recent Convergence and Integration among the Asian Economies’, *Journal of East Asian Economic Integration*, 17 (1).

Deutsche Bank (2013), ‘ASEAN Economic Community (AEC): A Potential Game Changer for ASEAN Countries’, *DB Research Management*.

Hussain N. (2012), ‘Sino-ASEAN Relation: Implications of a Rising China for ASEAN’, *Centre for Development and Peace Studies*.

Lê Kim Sa (2013), ‘Con đường gập ghềnh phía trước: Trung Quốc và vấn đề “bẫy thu nhập trung bình”’, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, 1 (137).

Michael Pettis (2011), ‘China’s Troubled Transition to a More Balanced Growth Model’, *New American Foundation*, March 1.

Phạm Quý Long (2013), ‘Về chuyển đổi mô hình tăng trưởng và hội nhập kinh tế ở khu vực Đông Bắc Á trong bối cảnh quốc tế mới’, *Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á*, 5 (147), 14-22.

UNCTAD (2015), *World Investment Report 2014*.

World Bank (2012), *China 2030*, Washington DC.

Vũ Thị Thư (2015), ‘Phân tích dòng thương mại ASEAN - Trung Quốc’, *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 451, tháng 8, 27-29..